

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-PT  
Ngày 01-4-2021  
“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Ông Nguyễn Phước Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn, con chung”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Yên L, sinh năm 1980;

Nơi ĐKKH: Số 19A/6 khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hữu T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yên L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2020 của bà Nguyễn Thị Yên L và những lời trình bày như sau:

Do mai mối nên bà và ông Lê Hữu T đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 05 tháng 4 năm 2013.

Sau khi cưới bà sống tại tỉnh Bình Dương, còn ông T sống chung gia đình ông T; đến năm 2014 bà về sống chung cùng gia đình ông T. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T tính tình nóng nảy, trong mọi chuyện ông T đều cho rằng mình đúng nên bà và ông T hay xảy ra cãi vã, cả hai không còn sống chung với nhau từ năm 2018. Khoảng 01 năm nay bà và ông T không có gặp nhau, bà không có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Phương L1, sinh ngày: 16 tháng 11 năm 2014; giới tính: nữ và cháu Lê Nguyễn Phát Đ, sinh ngày: 03 tháng 7 năm 2016; giới tính: nam. Hiện 02 cháu đang sống chung với ông T. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung.

*Bị đơn ông Lê Hữu T có lời trình bày như sau:* Thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống ông thống nhất với lời trình bày của bà L.

Sau khi cưới, bà L sống tại tỉnh Bình Dương, đến năm 2014 về sống chung với gia đình ông tại huyện Thủ Thừa, đến năm 2017 bà L về sống tại Bình Dương. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng đến mức bà L phải nộp đơn ly hôn. Trong quá trình sống chung đôi khi vì kinh tế khó khăn nên ông cũng hay lớn tiếng với bà L. Ông và bà L đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018. Từ đó đến nay cả hai không gặp và liên lạc với nhau. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Phương L1, sinh ngày: 16 tháng 11 năm 2014; giới tính: nữ và cháu Lê Nguyễn Phát Đ, sinh ngày: 03 tháng 7 năm 2016; giới tính: nam. Hiện 02 con đang sống chung với ông. Trong trường hợp Tòa án xét xử cho L hôn thì ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Trong trường hợp Tòa án giao con cho bà L nuôi, ông không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung, cam kết không có nợ chung.

Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã căn cứ vào khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc "ly hôn" với ông T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Phương L1, sinh ngày: 16 tháng 11 năm 2014; giới tính: nữ và cháu Lê Nguyễn Phát Đ, sinh ngày: 03 tháng 7 năm 2016; giới tính: nam

Về cấp dưỡng cho con: Bà L không phải cấp dưỡng cho con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc bà L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007416 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (bà L đã nộp đủ án phí).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn bà L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà được trực tiếp nuôi con chung là cháu L1 sinh ngày 16 tháng 11 năm 2014, giới tính nữ và cháu Đạt sinh ngày 03 tháng 7 năm 2016, giới tính nam không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

*Nguyên đơn bà L trình bày:* Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con; vì từ khi con được sinh ra đến cuối năm 2018 thì ông T tự ý bắt 02 con về chăm sóc. Bà có hộ khẩu tại Bình Dương, có phòng trọ cho thuê thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) đến 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Hiện nay bà đang làm công nhân,

Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh; nếu bà được nuôi con bà sẽ nghỉ làm về sinh sống tại nhà mẹ ruột ở huyện Thanh Hóa và sẽ buôn bán để có điều kiện chăm sóc con, bà sẽ chuyển con về học tại huyện Thanh Hóa. Mẹ ruột của bà hiện nay đã 62 tuổi, làm công việc giữ xe và buôn bán tạp hóa tại trường học. Từ khi 02 con chung về sống cùng ông T thì bà có 03 lần đến nhìn con tại trường học vì bà cảm thấy đau lòng mà cũng không làm gì khác được nên bà cũng không đến nhà gặp trực tiếp các con và không hỗ trợ về điều kiện vật chất cho 02 con.

*Bị đơn ông T trình bày:* Cuộc sống chung có mâu thuẫn sau đó bà L đưa con về huyện Thanh Hóa sinh sống, khi đó cháu L1 được 05 tuổi, cháu Đạt được 03 tuổi thì bà L yêu cầu ông lên đón 02 con về nuôi để bà L có thời gian đi làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi đó cháu Đạt còn rất nhỏ ông muốn để lại cho bà L chăm sóc nhưng bà L không đồng ý và bà ngoại của cháu cũng không đồng ý vì cho rằng cháu Đạt quậy phá nhiều nên ông đồng ý lên đón 02 con về nuôi dưỡng chứ hoàn toàn không tự ý bắt 02 con như bà L trình bày. Từ khi 02 con sống cùng ông thì bà L hoàn toàn không đến thăm hay quan tâm đến con cả điều kiện vật chất và tinh thần.

Về điều kiện kinh tế hiện nay ông canh tác 02 mẫu đất ruộng tại huyện Thanh Hóa và gia đình giao cho ông 04 mẫu ruộng tại xã Mỹ Phú để canh tác. Tổng thu nhập hàng năm khoảng 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) sau khi trừ chi phí thì lời một năm khoảng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Ông sống cùng cha ruột và 02 chị gái không lập gia đình nên 02 chị giúp đỡ ông rất nhiều trong việc chăm sóc 02 con chung rất tốt. Với công việc làm ruộng, ông chủ động được thời gian để chăm sóc 02 con chung, đưa đón các con đi học nên ông đảm bảo về điều kiện vật chất và thời gian để chăm sóc 02 con chung tốt. Hiện nay cháu Linh đang học lớp 1 tại trường tiểu học Mỹ Phú và cháu Đạt đang học lớp chồi tại trường mẫu giáo Mỹ Phú, trường học các cháu gần nhà, thuận tiện việc đưa đón các cháu đi học. Ông không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà L.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Kháng cáo của bà L yêu cầu được nuôi con chung là cháu L1, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2014, giới tính nữ và cháu Đ sinh ngày 03 tháng 7 năm 2016, giới tính nam không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Xét thấy, trong thời gian 02 con chung sống cùng ông T các cháu đi học ổn định và phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Từ khi ông T chăm sóc con chung đến nay

thì bà L thừa nhận có 03 lần đến thăm con nhưng chỉ đứng nhìn rồi về, không hỗ trợ điều kiện vật chất cho 02 con. Về điều kiện kinh tế thì ông T làm ruộng có thu nhập và có thời gian chăm sóc 02 con chung. Để đảm bảo cuộc sống ổn định không bị xáo trộn về tinh thần và ảnh hưởng đến việc học của con chung đã ổn định. Đề nghị để 02 con chung cho ông T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2020/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà L hợp lệ nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo về một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bà L thấy rằng: Bà L yêu cầu được nuôi con chung là cháu L1 sinh ngày 16 tháng 11 năm 2014, giới tính nữ và cháu Đ sinh ngày 03 tháng 7 năm 2016, giới tính nam không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Ông T không đồng ý vì hiện 02 con chung đang sống cùng với ông, các con đã đi học ổn định. Xét thấy, cả hai điều có nhu cầu nuôi con chung, có điều kiện kinh tế ổn định để đảm bảo nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, cháu L1 và cháu Đ hiện đang sống ổn định cùng ông T, ông T sống chung gia đình có 02 cô chưa có gia đình phụ giúp chăm sóc các cháu từ lúc cháu L1 được 05 tuổi và cháu Đ được 03 tuổi đến nay; cháu L1 hiện đang học lớp 01 trường tiểu học Mỹ Phú, cháu Đ hiện đang học lớp chồi tại trường mầm non Mỹ Phú, trường gần nhà thuận tiện trong việc đưa đón các cháu, ông T hiện đang làm ruộng, chủ động được thời gian trong việc chăm sóc con chung, còn bà Linh hiện nay làm công nhân tại Công ty thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện sống của 02 con chung được ổn định. Xét về mặt thời gian và điều kiện để chăm sóc 02 con chung thì ông T có điều kiện hơn bà L nên Tòa án cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà L về việc được trực tiếp nuôi 02 con chung không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Những nội dung khác trong phần quyết định của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Yên L.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yên L về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê Hữu T.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Yên L được ly hôn với ông Lê Hữu T.

**2.** Về con chung: Giao cho ông Lê Hữu T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Nguyễn Phương L1, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2014 giới tính nữ và Lê Nguyễn Phát Đ, sinh ngày: 03 tháng 7 năm 2016, giới tính nam.

Về cấp dưỡng cho con: Bà Nguyễn Thị Yên L không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung.

#### 4. Về án phí:

**4.1** Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Yến L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007416 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (bà Nguyễn Thị Yến L đã nộp đủ án phí).

**4.2** Án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Yến L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007639 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (bà Nguyễn Thị Yến L đã nộp đủ án phí).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND CC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bích Tuyền**